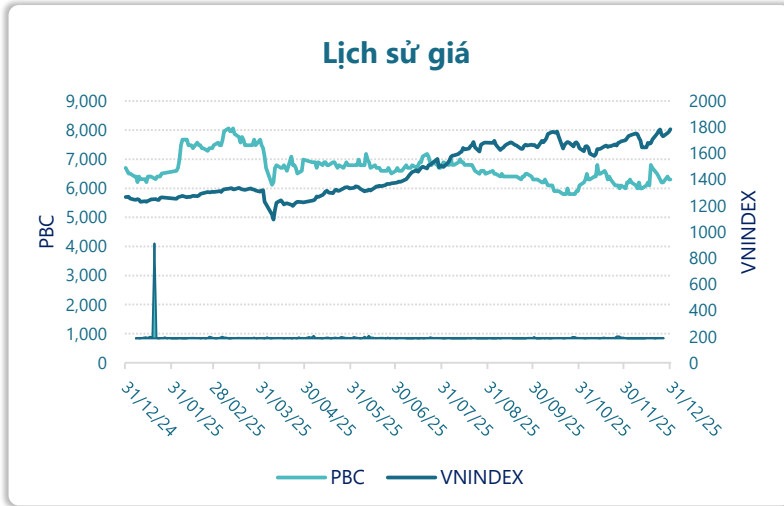




CTCP Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (UPCOM: PBC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,059
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,800
SL cổ phiếu LH	116,698,448
KLGD BQ 20 phiên (CP)	434,336
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	735
P/E	
EPS	

DT thuần
Q4/25

280
tỷ VNĐ

YoY: ▼43.0| -13.3%

LN sau thuế
Q4/25

6.42
tỷ VNĐ

YoY: ▼0.11| -1.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần
2025

tỷ VNĐ

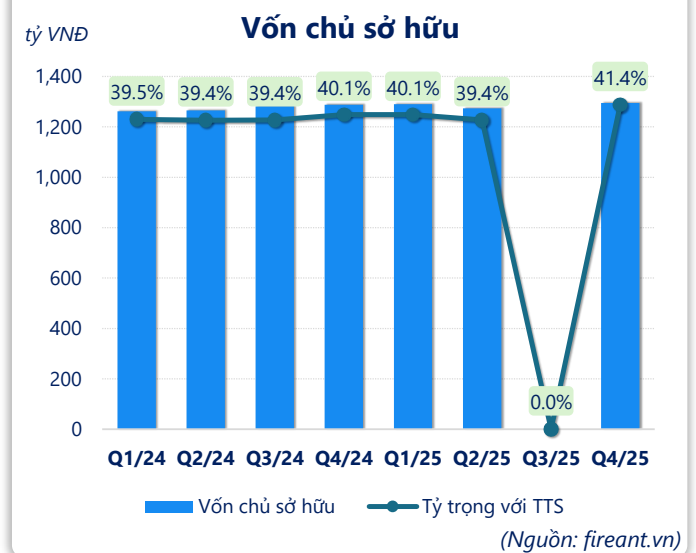
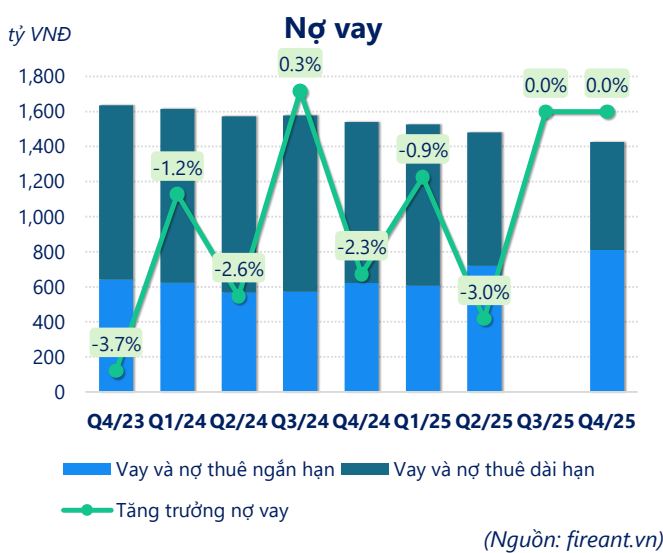
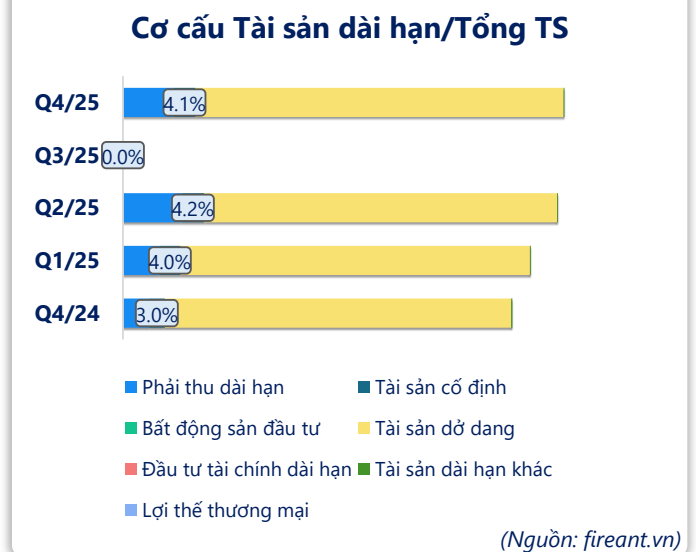
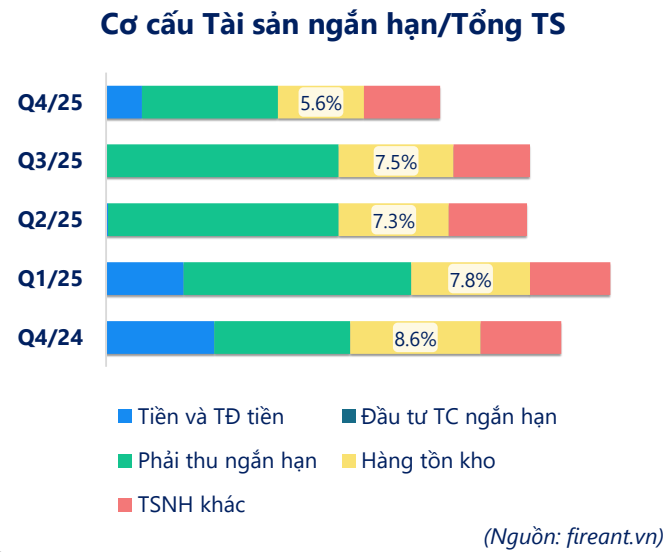
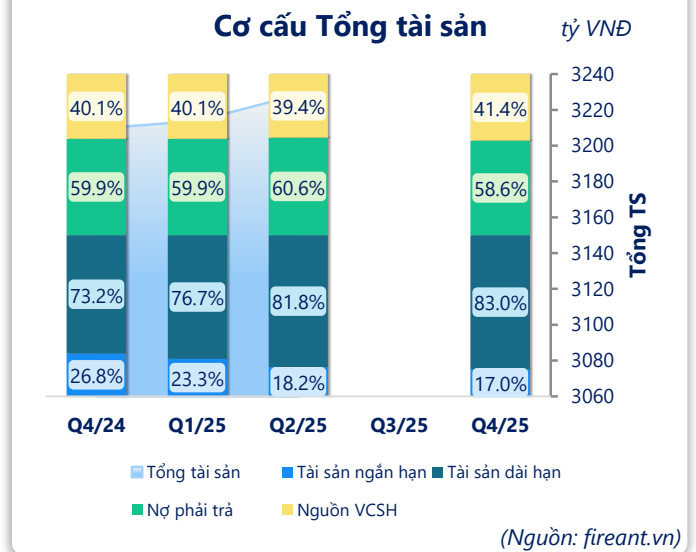
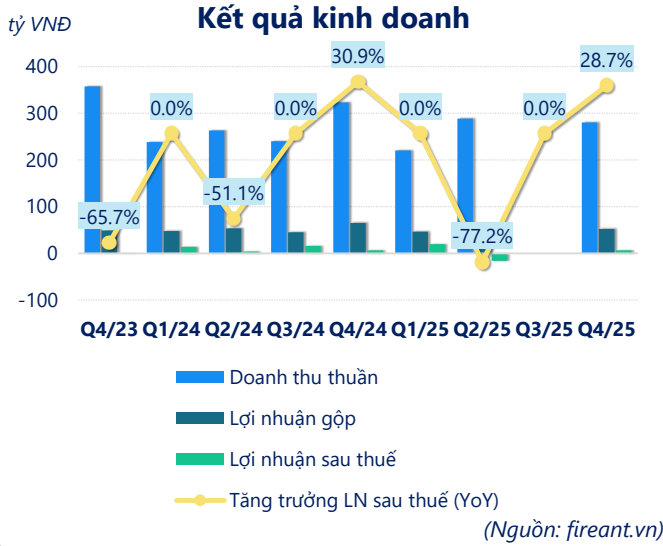
LN sau thuế
2025

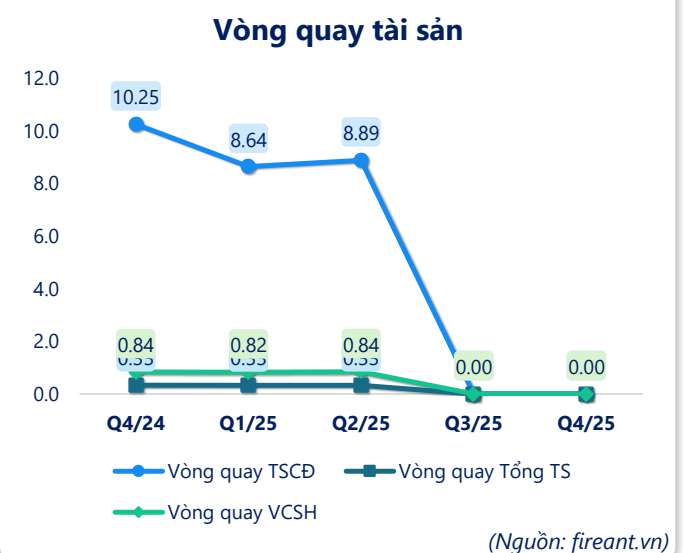
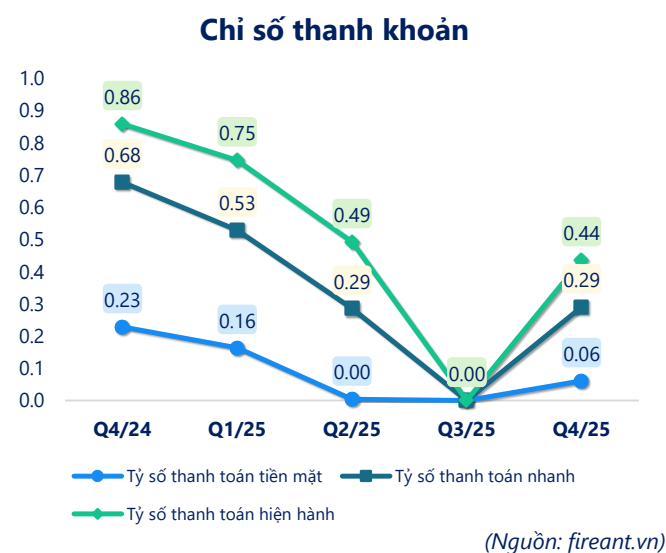
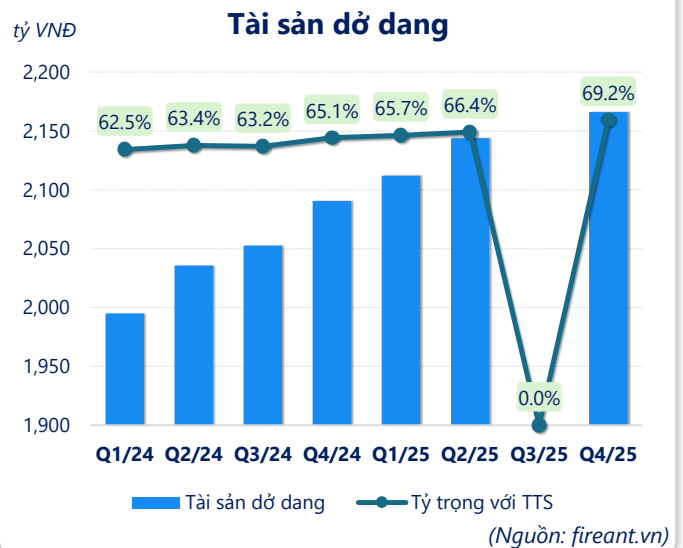
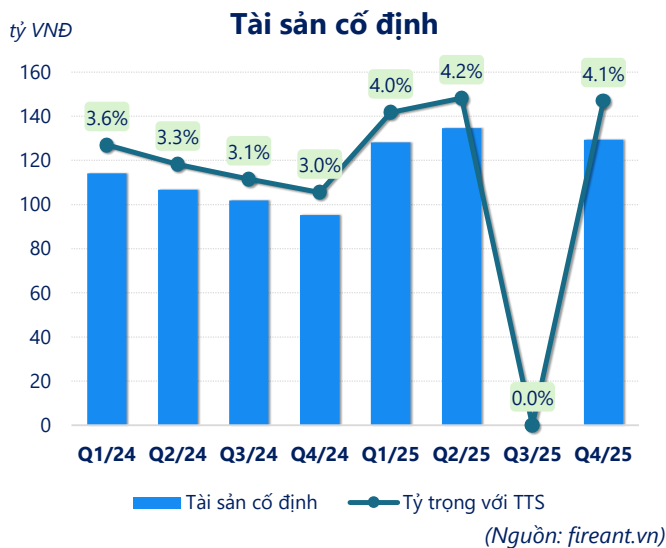
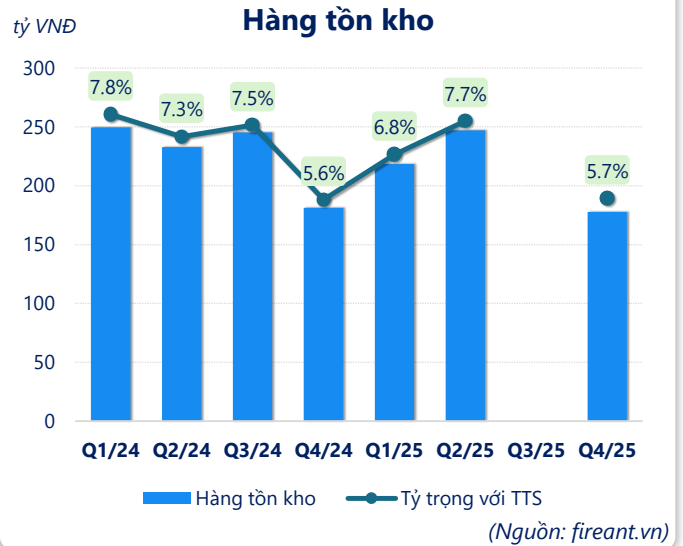
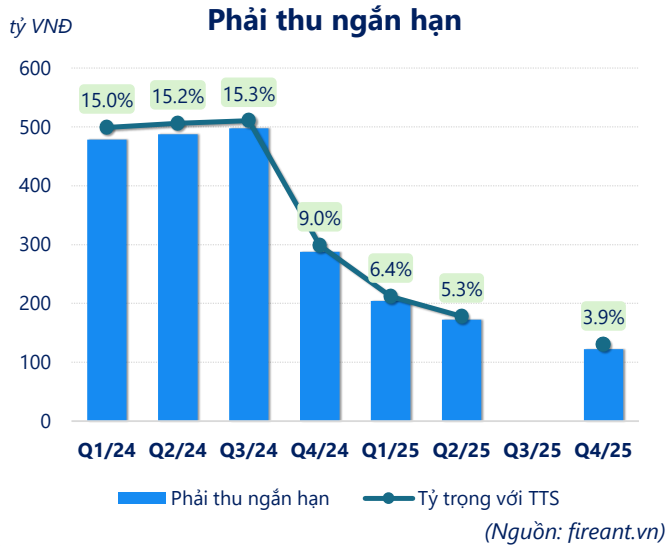
tỷ VNĐ

ROE
2025

#VALUE!

#VALUE!





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,209	3,214	3,228		3,129
Tài sản ngắn hạn	859	748	587		530
Tiền và tương đương tiền	228	164	3.95		73.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0		0
Phải thu ngắn hạn	288	204	172		122
Hàng tồn kho	181	218	247		178
Tài sản ngắn hạn khác	161	161	164		157
Tài sản dài hạn	2,351	2,466	2,641		2,598
Phải thu dài hạn	157	219	357		297
Tài sản cố định	95.2	128	135		129
Bất động sản đầu tư	0	0	0		0
Tài sản dở dang	2,090	2,112	2,144		2,166
Đầu tư tài chính dài hạn	0.28	0.28	0.28		0
Tài sản dài hạn khác	7.81	5.68	5.30		5.58
Lợi thế thương mại	0	0	0		0
Nợ phải trả	1,922	1,924	1,955		1,834
Nợ ngắn hạn	1,000	1,003	1,192		1,216
Vay và nợ thuê ngắn hạn	621	606	721		810
Phải trả người bán ngắn hạn	175	187	227		168
Nợ dài hạn	922	922	763		618
Vay và nợ thuê dài hạn	920	920	760		616
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,288	1,289	1,273		1,295
Vốn chủ sở hữu	1,288	1,289	1,273		1,295
Vốn điều lệ	1,133	1,133	1,133		1,167
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0		0

(Nguồn: fireant.vn)